



CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 16/10/2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
1.	Chứng khoán/ Stock	1,542,485,000	98.65%
1	ANV	200	0.40%
2	BMP	100	0.90%
3	BVH	500	1.63%
4	BWE	100	0.31%
5	CII	1,400	2.71%
6	CMG	200	0.49%
7	CTD	100	0.53%
8	CTR	100	0.52%
9	DBC	600	1.04%
10	DCM	300	0.65%
11	DGW	300	0.78%
12	DIG	1,400	2.06%
13	DPM	500	0.75%
14	DSE	300	0.52%
15	DXG	1,800	2.42%
16	DXS	1,000	0.74%
17	EIB	3,300	5.65%
18	EVF	1,700	1.51%
19	FRT	200	1.82%
20	FTS	400	0.89%
21	GEE	100	1.06%
22	GEX	1,400	5.63%
23	GMD	800	3.53%
24	HAG	1,600	1.67%
25	HCM	1,200	2.05%
26	HDC	300	0.79%
27	HDG	500	1.14%
28	HHV	900	0.88%
29	HSG	1,000	1.18%
30	KBC	1,100	2.46%
31	KDC	300	1.00%
32	KDH	1,400	3.05%
33	MSB	4,900	4.15%
34	NAB	3,100	2.93%
35	NKG	700	0.76%
36	NLG	700	1.76%
37	OCB	1,700	1.42%
38	PAN	200	0.40%
39	PC1	500	0.76%
40	PDR	1,000	1.63%
41	PHR	100	0.34%
42	PNJ	700	3.85%
43	POW	1,300	1.19%
44	PVD	600	0.79%
45	PVT	500	0.56%
46	REE	400	1.66%
47	SBT	1,000	1.66%
48	SCS	100	0.36%
49	SIP	200	0.69%
50	SJS	200	0.85%
51	SZC	200	0.41%
52	TCH	900	1.41%
53	VCG	800	1.39%
54	VCI	1,000	2.73%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
55	VHC	200	0.69%
56	VIX	3,200	8.10%
57	VND	2,500	3.76%
58	VPI	400	1.54%
59	VSC	800	1.45%
60	VTP	100	0.63%
II.	Tiền/ Cash (VND)	21,058,258	1.35%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,563,543,258	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,542,485,000

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,563,543,258

+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 21,058,258

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế 1 chứng khoán cơ cấu đối với lệnh mua CCQ (VND)*	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount for 1 share in a creation order (VND)*	Applied investors	State the reason
BVH	56,100	BVSC	Hạn chế đầu tư cơ phiếu công ty mà theo quy định điều 28.4 a TT121/2020/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
HCM	29,370	HSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/treasury stock not yet registered for trading
PAN	34,210	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	47,025	VCSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/treasury stock not yet registered for trading
PNJ	94,710	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	71,170	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

* Đối với lệnh hoán đổi bán (redemption) sẽ tùy thuộc vào giá CTQLQ bán ra thực tế trên thị trường

For redemption orders, the cash amount will depend on the market price at which FMC sells the securities on the exchange.

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 16/10/2025	Kỳ trước/Last period (**) 15/10/2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	24,900,000	24,900,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	15,890	15,680	210
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	389,322,271,466	386,238,547,883	3,083,723,583
của một lô ETF/per Creation Unit	1,563,543,258	1,551,158,826	12,384,432
của một chứng chỉ quỹ/per Share	15,635.43	15,511.58	123.85
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,570.12	2,532.16	37.96

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 15/10/2025/(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 15/10/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 14/10/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 14/10/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCFM/Fund Management Company DCFM



LÊ HOÀNG ANH

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 17/10/2025